CHUYÊN ĐỀ ĐỊA LÍ NÔNG NGHIỆP

Phạm Thị Duyên – Giáo viên Địa lí

Bài 1: Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển và phân bố nông nghiệp. Một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.

A. LÝ THUYẾT

I. Vai trò và đặc điểm của nông nghiệp

1. Vai trò:

- Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người.
- Đảm bảo ngùn nguyên liệu cho một số ngành công nghiệp.
- Xuất khẩu nông sản, thu ngoại tệ.
- Giải quyết việc làm.

2. Đặc điểm:

- Đất trồng là tư liệu sản xuất chủ yếu và không thể thay thế: cần phải duy trì và nâng cao độ phì cho đất, sử dụng hợp lí, tiết kiệm.
- Đối tượng sản xuất của nông nghiệp là cây trồng và vật nuôi: cần phải hiểu biết và tôn trọng quy luật sinh học.
- Sản xuất nông nghiệp có tính mùa vụ: cần phải xây dựng cơ cấu hợp lí, đa dạng hoá sản xuất, phát triển các ngành nghề dịch vụ…
- Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên.
- Trong nền kinh tế hiện đại, nôn nghiệp trở thành ngành sản xuất hàng hoá.

II. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển và phân bố nông nghiệp.

1. ***Nhân tố tự nhiên***

- Đất: Ảnh hưởng đến quy mô, cơ cấu, năng xuất, phân bố cây trồng vật nuôi
- Khí hậu, nước: Ảnh hưởng đến thời vụ, cơ cấu, khả năng xen canh tăng vụ, mức ổn định cuả sản xuất nông nghiệp.
- Sinh vật: Ảnh hưởng mức độ phong phú của giống cây trồng vật nuôi, khả năng cung cấp thức ăn cho chăn nuôi.

2. Nhân tố kinh tế - xã hội

- Dân cư, lao động ảnh hưởng đến cơ cấu, sự phân bố cây trồng, vật nuôi (là lực lượng lao động, tiêu thụ, quan trọng để phát triển nông nghiệp)
- Sở hữu ruộng đất: Ảnh hưởng đến đường lối phát triển, các hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.
- Tiến bộ khoa học kĩ thuật: Ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng, sản lượng.
- Thị trường tiêu thụ: Ảnh hưởng đến giá cả, điều tiết sản xuất, hướng chuyên môn hóa.

III. Một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp

1. Trang trại

- Hình thành và phát triển trong thời kì công nghiệp hóa thay thế kinh tế tiểu nông.
- Mục đích: Sản xuất hàng hóa
- Cách tổ chức quản lí: chuyên môn hóa, thâm canh, ứng dụng KHKT, thuê nhân công lao động.

2.Vùng nông nghiệp

Là hình thức cao nhất, là lãnh thổ nông nghiệp tương đối đồng nhất về ĐKTN, KTXH nhằm phân bố hợp lí cây trồng vật nuôi, hình thành vùng chuyên môn hóa nông nghiệp.

B. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Trình bày vai trò của sản xuất nông nghiệp trong nền kinh tế và đời sống xã hội. Lấy ví dụ minh hoạ.

Câu 2. Ngành sản xuất nông nghiệp có những đặc điểm gì? Theo em đực điểm nào là quan trọng nhất?

Câu 3. Trong các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, nhân tố nào có vai trò quan trọng nhất? Vì sao?

Câu 4. Em hãy phân biệt những đặc điểm cơ bản của các hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.

C. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Vai trò quan trọng nhất của nông nghiệp mà không ngành nào có thể thay thế được là

A. cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.
B. cung cấp lương thực, thực phẩm đam bảo sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người
C. tạo việc làm cho người lao động
D. sản xuất ra các mặt hàng xuất khẩu để tăng nguồn thu ngoại tệ.

Câu 2. Đặc điểm quan trọng nhất để phân biệt nông nghiệp với công nghiệp là

A. sản xuất có tính mùa vụ.
B. sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên.
C. đất trồng là tư liệu sản xuất chủ yếu và không thể thay thế được.
D. ứng dụng nhiều thành tựu của khoa học công nghệ và sản xuất.

Câu 3. Để đẩy mạnh thâm canh trong sản xuất nông nghiệp cần phải

A. nâng cao hệ số sử dụng đất.
B. duy trì và nâng cao độ phì nhiêu cho đất.
C. đảm bảo nguồn nước trên mặt cho đất.
D. tăng cường bón phân hoá học cho đất.

Câu 4. Trong sản xuất nông nghiệp cần hiểu biết và tôn trọng quy luật tự nhiên vì

A. nông nghiệp trở thành ngành sản xuất hàng hoá.
B. sản xuất nông nghiệp phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên.
C. quy mô và phương hướng sản xuất phụ thuộc nhiều vào đất đai.
D. con người không thể làm thay đổi tự nhiên.

Câu 5. Biểu hiện của nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá là
A. sử dụng nhiều công cụ thủ công và sức người.
B. chủ yếu tạo ra sản phẩm đề tiêu dùng tại chỗ
C. hình thành và phát triển các vùng chuyên môn hoá.
D. sản xuất theo qảng canh để không ngừng tăng năng suất.

Câu 6. Hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp cao nhất là
A. trang trại.
B. hợp tác xã.
C. hộ gia đình.
D. vùng nông nghiệp

Bài 2: ĐỊA LÍ NGÀNH TRỒNG TRỌT

A. LÝ THUYẾT

I. Cây lương thực

1. Vai trò

- Cung cấp lương thực dưới dạng tinh bột, dinh dưỡng cho người và gia súc.
- Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến
- Xuất khẩu,…

2. Các cây lương thực chính

- Đặc điểm sinh thái và phân bố

-Vai trò và tình hình sản xuất:

+ Lúa gạo: Năm 2003 đạt 580 triệu tấn/2021 tấn=29%, nuôi sống >50% dân số thế giới (chủ yếu dùng trong nước).

+ Lúa mì: Năm 2003 đạt 557,3 triệu tấn/2021 tấn =27,6%, khoảng 30% sản lượng được bán trên thế giới.

+ Ngô: Năm 2003 đạt 635,7 triệu tấn /2021tấn =31,5% sản lượng thế giới.

3. Cây lương thực khác

Chủ yếu làm thức ăn cho chăn nuôi, nguyên liệu nấu rượu, cồn, bia, lương thực cho người ở các nước nghèo.

II. Cây công nghiệp

1. Vai trò, đặc điểm của cây công nghiệp

- Nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến,CNSX hàng tiêu dùng, CN thực phẩm.

-Tận dụng tài nguyên đất, khắc phục được tính mùa vụ, phá thế độc canh, bảo vệ môi trường

- Mặt hàng xuất khẩu có giá trị

2. Các cây công nghiệp chủ yếu

- *Cây lấy đường*

+ Mía: Nhiệt độ 30^0-35^0C, dưới 10^0C cây chết, khi thu hoạch cần thời tiết khô hanh tích lũy đường, phân bố vành đai 30^0 B -30^0 N

+ Củ cải đường: Miền ôn đới, cận nhiệt được trồng từ 47^0B-54^0B

- *Cây lấy sợi*

+ Cây bông: Phát triển ở nhiệt độ 17-30^0C, nhiệt độ tốt nhất 25-30^0C,lượng mưa 800-1000mm/năm, khí hậu ổn định, đất tốt, mùa đông ra quả phải có mưa nhiều, lúc quả chín phải tuyệt đối khô hanh, giới hạn từ 42^0B-32^0N.

- Cây lấy dầu: Cây đậu tương: Nhiệt đới, cận nhiệt đới, ôn đới, ưa ẩm, đất tơi xốp, thoát nước.

- *Cây cho chất kích thích*

+ Chè: Nguồn gốc ĐN Trung Quốc, Mianma,Việt Nam, ưa nhiệt từ 15-20^{0}C, tổng nhiệt 8000^{0}C, mưa 1500-2000mm, ẩm 70-80%, pH từ 4-6, giới hạn 10^{0}N-30^{0}B.
+ Cà phê: Phát triển ở nhiệt độ 15^{0}C, mưa 1900-3000mm, phân bố đều trong năm, trồng giữa hai chí tuyến.
- Cây lấy nhựa:Cao su: ↑ ở nhiệt độ 22-27^0 C, mưa 1500-2500mm/năm, thích hợp đất ba dan.

III. Ngành trồng rùng

1.Vai trò của rừng

- Hết sức quan trọng đối với môi trường, con người, điều hòa lượng nước trên mặt đất.
- Lá phổi xanh của TĐ, bảo vệ đất, chống xói mòn.

2.Tình hình trồng rừng

- Rừng đang bị tàn phá do con người
- Diện tích trồng rừng trên thế giới ngày càng mở rộng
+ Năm 1990 là 43,6 triệu ha, năm 2000 là 187 triệu ha => trung bình tăng 4,5 triệu ha.
- Nước có diện tích rừng trồng lớn: Trung Quốc, ÂĐ, LBNga, Hoa Kì,...

B. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Kể tên các loại cây lương thực mà em biết? Nêu đặc điểm sinh thái của cây lúa gạo. Tại sao lúa gạo lại phân bố tập trung ở vùng châu Á gió mùa.

Câu 2. Nêu vai trò của cây công nghiệp. Kể tên các cây công nghiệp theo các nhóm.\

Câu 3. Tại sao phải chú trọng đến việc trồng rừng?

C. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Cây lúa gạo thích hợp với điều kiện sinh thái nào sau đây?

A. Khí hậu ẩm, khô, đất màu mỡ.
B. Khí hậu nóng, đất ẩm.
C. Khí hậu khô, đất thoát nước.
D. Khí hậu nóng ẩm, chân ruộng ngập nước, đất phù sa.

Câu 2. Ý nào sau đây thể hiện đặc điểm sinh thái của cây lúa mì

A. Khí hậu nóng khô, đất nghèo din dưỡng.
B. Khí hậu nóng ẩm, chân ruộng ngập nước, đất phù sa.
C. Khí hậu ấm khô, đất đai màu mỡ.
D. Khí hậu lạnh khô, đất thoát nước.

Câu 3. Đặc điểm sinh thái đặc biệt của cây ngô so vơi các cây lương thực khác là

A. chỉ trồng được ở đới nóng, đất đai màu mỡ.
B. chỉ trồng ở miền khí hậu lạnh khô.
C. chỉ trồng ở chân ruộng ngập nước.
D. dễ thích nghi với sự dao động của khí hậu.

Câu 4. Ý nào sau đây nói về vai trò của sản xuất cây công nghiệp?

A. Cung cấp tinh bột cho chăn nuôi.

B. Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người.

C. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 5. Cây công nghiệp có đặc điểm sinh thái khác cây lương thực là

A. biên độ sinh thái rộng, không có nhiều đòi hỏi đặc biệt về điều kiện khí hậu và chăm sóc.

B. biên dộ sinh thái hẹp, cần có những đòi hỏi đặc biệt về nhiệt, ẩm, chế độ chăm sóc.

C. trồng được ở bất kỳ nơi đâu có dân cư và đất trồng.

D. phần lớn là cây ưa khí hậu lạnh khô, không đòi hỏi đất giàu dinh dưỡng.

Câu 6. Ý nào sau đây không phải là vai trò của rừng?

A. Điều hoà lượng nước trên Trái Đất.

B. Là lá phổi xanh của Trái Đất.

C. Cung cấp lam sản, dược liệu quý.

D. Làm cho Trái Đất nóng lên do cung cấp lượng CO2 lớn.

Bài 3: ĐỊA LÍ NGÀNH CHĂN NUÔI

A. LÝ THUYẾT

I. Vai trò và đặc điểm ngành chăn nuôi

1.Vai trò

- Cung cấp cho con người thực phẩm có dinh dưỡng cao
- Nguyên liệu cho một số ngành công nghiệp
- Xuất khẩu
- Cung cấp phân bón và sức kéo cho ngành trồng trọt

2. Đặc điểm

- Cơ sở nguồn thức ăn quyết định sự phát triển và phân bố, hình thức chăn nuôi.
- Trong nền nông nghiệp hiện đại ngành chăn nuôi có nhiều thay đổi về hình thức và hướng chuyên môn hóa
- Ở các nước đang phát triển tỉ trọng thấp: cơ sở thức ăn chưa đảm bảo, cơ sở vật chất kĩ thuật còn lạc hậu, dịch vụ thú y, giống còn hạn chế, công nghiệp chế biến chưa phát triển.

II. Các ngành chăn nuôi

1. Cơ cấu: Gia súc lớn, gia súc nhỏ, gia cầm

2. Phân bố

- *Gia súc lớn*

+Trâu:Vùng nhiệt đới ẩm

+Bò phân bố rộng hơn: Ấn Độ, Hoa Kì, Braxin Tây Âu, TQ, Achentina

- *Gia súc nhỏ*

+Lợn: Nuôi rộng rãi trên thế giới, tập trung nhiều ở vùng thâm canh lương thực.

+Cừu: Nuôi nhiều ở vùng khô hạn, đặc biệt vùng cận nhiệt đới.

+Dê: Vùng khí hậu khô hạn, ở Nam Á, châu Phi là nguồn đạm động vật quan trọng cho người dân.

- *Gia cầm:* Nuôi phổ biến trên thế giới, nhiều ở:TQ, Hoa Kì, EU, LBNga, Mêhicô,...

III. Ngành nuôi trồng thủy sản

1. Vai trò

- Cung cấp đạm động vật bổ dưỡng cho con người
- Nguyên liệu cho công nghiệp thực phẩm
- Hàng xuất khẩu có giá trị

2.Tình hình nuôi trồng thủy sản

- Cơ cấu nuôi trồng: thủy sản nước ngọt, lợ, mặn, ngày càng phát triển.
- Sản lượng nuôi trồng 10 năm tăng 3 lần (35 triệu tấn)
- Nước nuôi nhiều: Trung Quốc, Hoa Kì, Nhật Bản, Ấn Độ, Đông Nam Á,...

B. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Nêu vai trò và đặc điểm ngành chăn nuôi. Lấy ví dụ minh hoạ.

Câu 2. Cho bảng số liệu sau:

ĐÀN BÒ VÀ ĐÀN LỢN TRÊN THẾ GIỚI THỜI KÌ 1980 – 2002 (triệu con)

Vật nuôi	1980	1992	1996	2002
Bò	1218,1	1281,4	1320,0	1360,5
Lợn	778,8	864,7	923,0	939,3

a. Vẽ biểu đồ thể hiện số lượng bò và lợn.

b. Nhận xét.

Câu 3. Tại sao ngành nuôi trồng thuỷ sản trên thế giới ngành càng phát triển?

C. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Một trong những vai trò quan trọng của ngành chăn nuôi đối với đời sống con người là

A. cung cấp nguyên liệu để sản xuất ra các mặt hàng tiêu dùng.

B. cung cấp nguồn thực phẩm có dinh dưỡng cao.

C. cung cấp nguồn gen quý hiếm

D. cung cấp nguồn đạm động vật bổ dưỡng, dễ tiêu hoá không gây béo phì.

Câu 2. Sự phát triển và phân bố ngành chăn nuôi phụ thuộc chặt chẽ vào

A. cơ sở thức ăn.

B. con giống,

C. hình thức chăn nuôi.

D. thị trường tiêu thụ.

Câu 3. Khu vực nuôi nhiều trâu nhất thế giới hiện nay là

A. Đông Á, Tây Nam Á và Trung Á.

B. Đông Nam A, Bắc Mĩ và Bắc Phi.

C. Tây Âu, Bắc Mĩ và Nam Phi.

D. Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á.

Câu 4. Vai trò nào dưới đây ***không phải*** của ngành thuỷ sản?

A. Cung cấp nguồn thực phẩm bổ dưỡng cho con người.

B. Làm nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến thực phẩm.

C. Cung cấp sức kéo và phân bón cho ngành trồng trọt.

D. Là mặt hàng xuất khẩu có giá trị.

Câu 5. Loại thực phẩm cung cấp nhiều chất đạm mà không gây béo phì cho con người là

A. trứng, sữa.

B. thịt trâu, bò.

C. lúa gạo, lúa mì.

D. thuỷ sản.